

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST

Ngày: 18-3-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận

2. Ông Hoàng Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2021/TLST-HS ngày 05/02/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xét số 07/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Quý T, sinh năm 1984; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quý T1 và bà Đặng Thị T2; vợ, con chưa có; tiền sự: không; tiền án: Bản án số 29/2018/HSST ngày 21/02/2018 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt Lê Quý T 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; nhân thân: Ngày 26/12/2012, Chủ tịch UBND huyện Thanh Hà ra Quyết định số 4385 đưa người nghiện ma túy vào cai nghiện, chữa trị tại cơ sở chữa bệnh đối với T, thời gian 24 tháng.

*** Bị hại:**

- Ông Lê Đức C, sinh năm 1943 và bà Vũ Thị T3, sinh năm 1949, nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện Thanh Hà, Hải Dương; (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1957 và bà Đoàn Thị M, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn V, xã Q, huyện Thanh Hà, Hải Dương; (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Văn P, sinh năm 1955; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Người làm chứng:**

- Anh Lê Đức C1, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện Thanh Hà, Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1984, Thôn H, xã C, huyện Thanh Hà, Hải Dương.

- Anh Lê Văn T5, sinh năm 1984, nơi cư trú: Số n, Hoàng Xá, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Anh Trịnh Văn T6, sinh năm 1978, nơi cư trú: Thôn V, xã Q, huyện Thanh Hà, Hải Dương.

- Anh Lê Văn B, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn V, xã Q, huyện Thanh Hà, Hải Dương.

- Ông Trịnh Văn N, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Thanh Hà, Hải Dương.

(Tại phiên tòa, những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, Lê Quý T nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Khoảng 14 giờ ngày 22/11/2020, T đi bộ từ nhà đến nhà ông Lê Đức C ở cùng thôn, thấy gia đình không có người ở nhà, trong sân có dựng 01 chiếc xe điện nhãn hiệu Osakar - A1 màu đen, không có biển số, T đi vào trong sân dùng xe điện ra ngoài rồi điều khiển xe đi đến cửa hàng ĐA 2 của anh Lê Văn T5 ở số n, đường Hoàng Xá, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng bán xe điện được 3.000.000 đồng. Ông C phát hiện tài sản bị mất đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an. Quá trình điều tra, Lê Quý T còn khai báo đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 24/4/2019, Lê Quý T đi bộ đến nhà ông Nguyễn Văn T4 ở thôn V, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, phát hiện thấy 02 chiếc bàn gấp bằng Inox màu trắng và 12 chiếc ghế giống nhau bằng Inox màu trắng để trong sân, đêm tối vắng người, T đi vào sân bê 02 chiếc bàn và 12 chiếc ghế

ra ngoài. T bán 02 bộ bàn ghế nói trên cho ông Lê Văn P ở thôn N, xã H, huyện Thanh Hà được 1.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐGTS ngày 15/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Hà kết luận: 01 xe điện nhãn hiệu OSAKAR-A1 màu đen số khung B0082800826; số máy FN48V500WA, có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp là 7.500.000đ.

Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐGTS ngày 15/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Hà kết luận: 02 chiếc bàn gấp bằng Inox màu trắng, mặt bàn kích thước 1,2 x 0,7m, cao 0,75m và 12 chiếc ghế giống nhau bằng Inox màu trắng, cao 0,5m, mặt ghế hình tròn đường kính 0,35m có tổng giá trị tại thời điểm bị trộm cắp là 2.100.000đ.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 05/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Lê Quý T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Quý T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Lê Quý T 15-18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/12/2020. Hình phạt bổ sung: không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Lê Quý T phải bồi thường cho ông Lê Đức C và bà Vũ Thị T3 7.500.000đ; Lê Quý T phải trả ông Lê Văn P số tiền 1.000.000đ. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 22/11/2020, tại gia đình ông Lê Đức C ở thôn H, xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Lê Quý T đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe điện nhãn hiệu Osakar - A1 màu đen, trị giá 7.500.000 đồng. Khoảng 21 giờ ngày 24/4/2019, tại gia đình ông Nguyễn Văn T4 ở thôn H, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương Lê Quý T đã lợi dụng đêm tối, lén lút chiếm đoạt 02 chiếc bàn bằng Inox và 12 chiếc ghế bằng Inox, trị giá 2.100.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Lê Quý T chiếm đoạt trong vụ án này là 9.600.000đ.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý bất bình và lo lắng trong nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Hành vi trộm cắp của bị cáo thực hiện vào ngày 24/4/2019 và ngày 22/11/2020 đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản; bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích, nay lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới. Do đó, bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng là "phạm tội 02 lần trở lên" và "tái phạm" quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có nhân thân xấu, từng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo đã tự nguyện khai báo về hành vi phạm tội thực hiện vào tháng 4/2019 trước khi tội phạm bị phát giác nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "người phạm tội tự thú" quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe điện nhãn hiệu Osakar - A1 màu đen không thu giữ được nên ông Lê Đức C và bà Vũ Thị T3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản chiếc xe bị trộm cắp là 7.500.000đ. Ông Lê Văn P yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 1.000.000đ là tiền ông P đã bỏ ra để mua bộ bàn ghế. Xét thấy yêu cầu của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn

chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Bị hại ông Nguyễn Văn T4, bà Đoàn Thị M đã nhận lại tài sản, xác định tài sản không có hư hỏng, không thiệt hại gì, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: 02 chiếc bàn gấp bằng Inox màu trắng, mặt bàn kích thước 1,2 x 0,7m, cao 0,75m và 12 chiếc ghế giống nhau bằng Inox màu trắng, cao 0,5m, mặt ghế hình tròn đường kính 0,35m là tài sản hợp pháp của ông T4, bà M, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T4, bà M là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Anh Lê Văn T5, ông Lê Văn P không biết tài sản do Lê Quý T trộm cắp nên không xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Quý T phạm tội "Trộm cắp tài sản".
2. Xử phạt bị cáo Lê Quý T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/12/2020.
3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Quý T phải bồi thường cho ông Lê Đức C và bà Vũ Thị T3 tổng số tiền là 7.500.000đ. Bị cáo Lê Quý T phải hoàn trả ông Lê Văn P số tiền 1.000.000đ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền bồi thường nêu trên, nếu người phải thi hành chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Lê Quý T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 425.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

^ Vũ Thị Nhung